

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 6 năm 2019

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN LƯU VỰC DÒNG CHÍNH SÔNG ĐỒNG NAI, VÙNG ĐÔNG NAM BỘ
NĂM 2019

(Tuần từ ngày 14 tháng 6 năm 2019 đến ngày 20 tháng 6 năm 2019)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2018	Năm 2017	
Biên Hòa	75,3	581,7	+ 43,0	- 6,5	- 7,7	66,92
Long Thành	67,4	454,8	+ 16,6	+ 37,2	- 14,9	65,49
Tà Lài	49,7	447,7	- 27,9	- 14,7	- 41,2	63,98
Vũng Tàu	64,0	221,9	- 30,5	+ 81,1	- 47,2	57,49
Trị An	26,8	745,6	+ 70,2	+ 73,5	+ 81,2	52,57
Túc Trưng	23,0	665,7	+ 30,9	+ 70,0	+ 14,6	55,23
Trung bình	51,0	519,6	+ 17,1	+ 23,7	- 2,5	60,3

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích các trạm đo chính trên khu vực cao hơn TBNN 17,1%, cao hơn năm 2018 là 23,7% và thấp hơn 2,5% so với năm 2017. Lượng mưa lớn nhất trong tuần tại trạm Biên Hòa (75,3 mm) và lượng mưa nhỏ nhất trong tuần trạm Túc Trưng (23,0 mm). Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 60,3 mm, có xu hướng thấp hơn trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Xu thế nguồn nước tuần tới	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2018	2017		
Hồ Suối Vọng	4	0,64	15,93	+ 9,7	- 3,4	- 12,7	Giảm	57,04
Hồ Gia Ui	10,8	2,86	26,46	- 20,3	- 16,9	- 36,6	Tăng	56,57
Hồ Núi Le	3,5	1,30	37,23	- 18,9	- 25,1	- 47,0	Giảm	68,84
Hồ Suối Đầm	1,2	0,83	68,75	+ 34,1	+ 25,0	+ 26,2	Tăng	91,25

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Xu thế nguồn nước tuần tới	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2018	2017		
Hồ Suối Rang	2,6	1,72	66,27	+ 97,3	+ 85,3	+ 106,0	Giảm	52,33
Hồ Giao Thông	0,5	0,15	30,00	- 10,1	- 1,3	- 34,9	Tăng	45,68
Hồ Sông Mây	15	6,46	43,05	- 1,2	- 27,6	- 30,1	Giảm	50,47
Hồ Mo Nang	1,15	0,39	34,20	+ 2,9	+ 9,3	- 3,6	Tăng	88,57
Hồ Suối Đồi	1,2	0,94	77,94	+ 43,9	+ 37,5	+ 31,0	Tăng	94,55
Hồ Cầu Mới tuyến V	9	2,75	30,56	- 16,1	- 13,5	- 54,8	Tăng	66,22
Hồ Cầu Mới tuyến VI	21	3,23	15,37	- 51,9	- 46,9	- 65,0	Giảm	50,38
Hồ Suối Tre	0,64	0,45	69,91	- 14,3	- 26,6	- 29,3	Tăng	99,22
Hồ Đa Tôn	19,4	2,51	12,92	- 34,8	- 41,9	- 52,4	Tăng	94,74
Hồ Bà Long	1,2	1,03	85,90	- 71,8	- 92,1	+ 114,7	Tăng	64,82
Hồ Thanh Niên	0,6	0,40	67,47	+ 21,0	+ 6,5	+ 6,5	Tăng	78,25
Hồ Sông Ray	215,36	13,53	6,28	- 80,1	- 52,3	- 89,3	Tăng	63,77
Hồ Đá Đen	33,4	13,08	39,16	- 17,9	- 27,1	- 48,5	Giảm	99,88
Hồ Tâm Bó	5,85	0,88	15,12	- 13,6	- 39,0	- 39,0	Tăng	61,96
Hồ Đá Bàn	11,35	1,44	12,72	- 8,6	- 56,4	+ 279,8	Giảm	41,71
Hồ Lò Ô	6	2,07	34,49	- 1,9	+ 10,7	+ 23,2	Tăng	84,83
Hồ Suối Giàu	12,2	1,02	8,33	- 63,0	- 56,6	- 69,2	Tăng	43,1
Trung bình/Tổng	375,95^(*)	57,67	15,34	- 10,3	- 16,8	- 1,2		66,34

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ; ^(*): Giá trị tổng.

Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 375,95 triệu m³. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 13/6/2019 xuống khá thấp so với DTTK, tổng dung tích trữ hiện tại là 57,67 triệu m³ (đạt 15,34% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa thấp hơn so với cùng kỳ năm 2017, thấp hơn cùng kỳ năm 2018 và TBNN. Một số hồ có dung tích trữ thấp dưới 50% DTTK như: hồ Đá Bàn (dung tích trữ chỉ đạt 12,72% DTTK), hồ Sông Ray (6,28% DTTK), hồ Đá Đen (39,16% DTTK), hồ Tâm Bó (15,12% DTTK), hồ Lò Ô (34,49% DTTK) và hồ Suối Giàu (8,33% DTTK) thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hồ Suối Vọng (15,93% DTTK), hồ Đa Tôn (12,92% DTTK), hồ Cầu Mới tuyến V (30,56%), hồ Cầu Mới tuyến VI (15,37% DTTK), hồ Gia Ui (26,46% DTTK), hồ Núi Le (37,23% DTTK), hồ Giao Thông (30,0% DTTK), hồ Mo Nang (34,2% DTTK) và hồ Sông Mây (43,05% DTTK) thuộc tỉnh Đồng Nai.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HẠN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 6 của vụ Hè Thu năm 2019 của 21 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai (vùng Đông Nam Bộ) là **23,35** triệu m³.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Hè Thu năm 2019				
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				Nhu cầu nước tưới tháng 6 cho vụ Hè Thu ($10^6 m^3$)
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
Tổng cộng		6.363,0	1.229,0	1.263,0	330,6	23,35
1	Hồ Suối Vọng			0		0,00
2	Hồ Gia Ui	191,75				0,40
3	Hồ Núi Le					0,11
4	Hồ Suối Đầm					0,00
5	Hồ Suối Rang			50		0,14
6	Hồ Giao Thông					0,00
7	Hồ Sông Mây	396,23	20		320,59	0,94
8	Hồ Mo Nang	36			4	0,04
9	Hồ Suối Đồi	10				0,02
10	Hồ Cầu Mới tuyến V	39	550		3	2,74
11	Hồ Cầu Mới tuyến VI					
12	Hồ Suối Tre					0,00
13	Hồ Đa Tôn	850	13		3	0,83
14	Hồ Bà Long	45				0,04
15	Hồ Thanh Niên	45		5		0,04
16	Hồ Sông Ray	2.374,00	521	878		7,67
17	Hồ Đá Đen			300		6,42
18	Hồ Tầm Bó	313				0,50
19	Hồ Đá Bàn	1.570,00				2,29
20	Hồ Lò Ô	106				0,17
21	Hồ Suối Giàu	387	125	35		1,03

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 6 năm 2019 ($10^6 m^3$)
1	Hồ Suối Vọng	1,54
2	Hồ Gia Ui	2,08
3	Hồ Núi Le	1,80
4	Hồ Suối Đầm	1,31
5	Hồ Suối Rang	1,50
6	Hồ Giao Thông	1,56
7	Hồ Sông Mây	0,10
8	Hồ Mo Nang	2,97
9	Hồ Suối Đồi	0,13
10	Hồ Cầu Mới tuyến V	0,27
11	Hồ Cầu Mới tuyến VI	3,32
12	Hồ Suối Tre	4,76
13	Hồ Đa Tôn	0,62
14	Hồ Bà Long	4,53
15	Hồ Thanh Niên	0,17
16	Hồ Sông Ray	0,05
17	Hồ Đá Đen	58,15
18	Hồ Tầm Bó	10,12
19	Hồ Đá Bàn	1,22
20	Hồ Lò Ô	1,59
21	Hồ Suối Giàu	2,03

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 6 cho vụ Hè Thu, kết quả dự báo tuần từ ngày 14/6/2019 đến ngày 20/6/2019 như sau:

- **21/21 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Suối Vọng, hồ Gia Ui, hồ Núi Le, hồ Suối Đầm, hồ Suối Rang, hồ Giao Thông, hồ Sông Mây, hồ Mo Nang, hồ Suối Đồi, hồ Cầu Mới tuyến V, hồ Cầu Mới tuyến VI, hồ Suối Tre, hồ Đa Tôn, hồ Bà Long, hồ Thanh Niên, hồ Sông Ray, hồ Đá Đen, hồ Tầm Bó, hồ Đá Bàng, hồ Lò Ô, hồ Suối Giàu.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè Thu năm 2019 từ ngày 14/6/2019 đến 20/6/2019			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Suối Vọng	15,93	0	15,92	100	0	Đủ nước
Hồ Gia Ui	26,46	191,75	26,64	100	191,75	Đủ nước
Hồ Núi Le	37,23	0	37,12	100	0	Đủ nước
Hồ Suối Đầm	68,75	0	69,00	100	0	Đủ nước
Hồ Suối Rang	66,27	50	64,86	100	50	Đủ nước
Hồ Giao Thông	30,00	0	31,40	100	0	Đủ nước
Hồ Sông Mây	43,05	736,82	39,63	100	736,82	Đủ nước
Hồ Mo Nang	34,20	40	34,96	100	40	Đủ nước
Hồ Suối Đồi	77,94	10	78,18	100	10	Đủ nước
Hồ Cầu Mới tuyến V	30,56	592	33,00	100	592	Đủ nước
Hồ Cầu Mới tuyến VI	15,37		14,32	100		Đủ nước
Hồ Suối Tre	69,91	0	70,22	100	0	Đủ nước
Hồ Đa Tôn	12,92	866	14,66	100	866	Đủ nước
Hồ Bà Long	85,90	45	86,64	100	45	Đủ nước
Hồ Thanh Niên	67,47	45	67,84	100	45	Đủ nước
Hồ Sông Ray	6,28	3.773	6,43	100	3.773	Đủ nước
Hồ Đá Đen	39,16	300	37,93	100	300	Đủ nước
Hồ Tầm Bó	15,12	313	15,39	100	313	Đủ nước
Hồ Đá Bàng	12,72	1.570	11,77	100	1.570	Đủ nước
Hồ Lò Ô	34,49	106	37,81	100	106	Đủ nước
Hồ Suối Giàu	8,33	547	11,51	100	547	Đủ nước
Trung bình/Tổng	15,34	9.185,57^(*)	15,40	100	9.185,57^(*)	

Ghi chú: ^(*) giá trị tổng.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Tà Lài	Mã Đà, Phú Lý – Vĩnh Cửu	511,7	+ 66,1	- 28	- 61	Rủi ro hạn thấp
	Phú Xuân – Tân Phú					
Túc Trưng	Xuân Thiện, Quang Trung – Thông Nhất	720,9	+ 139,8	+ 24,6	- 26,1	Rủi ro hạn thấp
Trị An	Cây Gáo, Đồi 61 – Trảng Bom	798,2	+ 248,5	+ 58,6	- 11,9	Rủi ro hạn thấp
Long Thành	Bình Sơn, Bình An, Bàu Cạn – Long Thành	520,3	+ 232,7	+ 14,6	- 39,1	Rủi ro hạn thấp
Trung bình		637,8	+ 171,8	+ 17,4	- 34,6	Rủi ro hạn thấp

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi cao hơn lượng mưa TBNN 17,4%, cao hơn 171,8% so với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Như vậy, khả năng rủi ro hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất thấp.

3. Tổng hợp thông tin hạn hán:

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
9.185,6	6.363,0	2.822,6					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 20/6/2019 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 57,90 triệu m³ (chiếm 15,40% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 21/21 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi đến ngày 20/6/2019 không thay đổi.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 21 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai-vùng Đông Nam Bộ, các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 21/6/2019 (tuần sau)/.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu VT.

VIỆN TRƯỞNG